

---

**NHỮNG RỦI RO THƯỜNG GẶP  
TRONG CÁC PHÂN HÀNH KIỂM  
TOÁN TÀI SẢN**

---





## 1. Tiền mặt

- Chưa có biên bản tiền mặt tồn quỹ, biên bản kiểm kê thiếu chữ kí của thủ quỹ và kế toán trưởng; không thành lập hội đồng kiểm kê, không có chữ kí của Giám đốc và thành viên Hội đồng kiểm kê quỹ trên biên bản.
- Biên bản kiểm kê có số tiền dư đến đơn vị đồng.
- Quy trình phê duyệt phiếu thu, chi không chặt chẽ, không thực hiện đúng theo quy trình, phiếu thu chi không đủ số liên theo quy định.
- Số tiền trên phiếu thu, chi khác trên sổ sách kế toán.
- Hạch toán thu chi tiền mặt không đúng kì.
- Có nghiệp vụ thu chi tiền mặt với số tiền lớn, vượt quá định mức trong quy chế tài chính. Phát sinh nhiều nghiệp vụ thu chi tiền trước và sau ngày khóa sổ.
- Có nhiều quỹ tiền mặt.
- Số dư quỹ tiền mặt âm do hạch toán phiếu chi trước phiếu thu.
- **Chênh lệch tiền mặt tồn quỹ thực tế và biên bản kiểm kê quỹ.**
- **Phiếu thu, phiếu chi chưa lập đúng quy định (thiếu dấu, chữ kí của thủ trưởng đơn vị, kế toán trưởng, thủ quỹ,...); không có hoặc không phù hợp với chứng từ hợp lý hợp lệ kèm theo; chưa đánh số thứ tự, phiếu viết sai không không lưu lại đầy đủ; nội dung chi không đúng hoạt động kinh doanh.**
- Chi quá định mức tiền mặt theo quy chế tài chính của Công ty nhưng không có quyết định hoặc phê duyệt của thủ trưởng đơn vị.
- Phiếu chi trả nợ người bán hàng mà người nhận là cán bộ công nhân viên trong Công ty nhưng không có phiếu thu hoặc giấy nhận tiền của

người bán hàng kèm theo để chứng minh số tiền này đã được trả tới người bán hàng.

- Vi phạm nguyên tắc bất kiêm nhiệm: kế toán tiền mặt đồng thời là thủ quỹ, chứng từ kế toán xếp chung với chứng từ quỹ, sổ quỹ và sổ kế toán không tách biệt...

- Thủ quỹ có quan hệ gia đình với Giám đốc, kế toán trưởng.

- Ghi lệch nhật kí chi tiền; số cái, số quỹ, không khớp nội dung, số tiền.

- Ghi chép, phân loại, phản ánh chưa hợp lí (không hạch toán tiền đang chuyển ...)

- Có hiện tượng chi khống hoặc hạch toán thiếu nghiệp vụ thu chi phát sinh.

- Cùng một hóa đơn nhưng thanh toán hai lần, thanh toán tiền lớn hơn số ghi trên hợp đồng, hóa đơn.

- Không có báo cáo quỹ tiền mặt định kì, thủ quỹ và kế toán không thường xuyên đối chiếu.

- Hạch toán thu chi ngoại tệ theo các phương pháp không nhất quán, không theo dõi nguyên tệ.

- Cuối kì không đánh giá lại ngoại tệ hoặc đánh giá không theo tỷ giá ngoại tệ liên ngân hàng vào thời điểm cuối năm.

## **2. Tiền gửi ngân hàng**

- Hạch toán theo giấy báo Nợ, báo Có ngân hàng chưa kịp thời.

- Chưa mở sổ theo dõi chi tiết theo từng ngân hàng.

- Chưa đối chiếu số dư cuối kì với ngân hàng.

- Mở nhiều tài khoản ở nhiều ngân hàng nên khó kiểm tra, kiểm soát số

dư.

- Có hiện tượng tài khoản ngân hàng bị phong tỏa.
- Chênh lệch sổ sách kế toán với biên bản đối chiếu với ngân hàng, với các bảng cân đối số phát sinh.
- Phản ánh không hợp lí các khoản rút quá số dư, gửi tiền, tiền lãi vay...
- Người kí séc không phải là những thành viên được Ủy quyền.
- Phát sinh quá nhiều nghiệp vụ chuyển tiền tại ngày khóa sổ để lợi dụng sự chậm trễ gửi giấy báo của ngân hàng.
- Chuyển tiền sai đối tượng hay người nhận không có quan hệ kinh tế đối với đơn vị.
- Tên người nhận trên Ủy nhiệm chi và tên đối tượng công nợ của các đơn vị không trùng nhau.
- Không theo dõi nguyên tệ đối với các khoản tiền gửi bằng ngoại tệ.
- Chưa đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối năm hoặc áp dụng sai tỷ giá đánh giá lại.
- Chưa hạch toán đầy đủ lãi tiền gửi ngân hàng hoặc hạch toán lãi tiền gửi NH không khớp với số phụ NH.

### **3. Đầu tư tài chính ngắn hạn**

- Chưa mở sổ theo dõi chi tiết từng loại chứng khoán.
- Không tiến hành trích lập dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn.
- Không hạch toán lãi lỗ kinh doanh chứng khoán hoặc hạch toán khi chưa có đầy đủ hóa đơn chứng từ.
- Đầu tư ngắn hạn khác không mang tính chất đầu tư mà là các khoản

phải thu khác (thu tiền chi phân phối sai chế độ cho cán bộ công nhân viên).

- Cuối kì không đánh giá lại dự phòng để hoàn nhập dự phòng hoặc trích thêm.
- Không có bằng chứng chứng từ hợp lệ chứng minh cho khoản đầu tư.
- Không có xác nhận của đối tượng nhận đầu tư về khoản đầu tư của Công ty.

#### **4. Các khoản phải thu của khách hàng**

- Không bù trừ cùng đối tượng hoặc bù trừ công nợ không cùng đối tượng.
- Chưa có quy chế tài chính về thu hồi công nợ.
- Chưa có sổ chi tiết theo dõi chi tiết từng đối tượng phải thu.
- Cùng một đối tượng nhưng theo dõi trên nhiều tài khoản khác nhau.
- Quy trình phê duyệt bán chịu không đầy đủ, chặt chẽ: chưa có quy định về số tiền nợ tối đa, thời hạn thanh toán...
- Chưa tiến hành đối chiếu hoặc đối chiếu công nợ không đầy đủ vào thời điểm lập Báo cáo tài chính.
- Chênh lệch biên bản đối chiếu và sổ kế toán chưa được xử lý.
- Chênh lệch sổ chi tiết, sổ cái, Bảng cân đối kế toán.
- Hạch toán sai nội dung, số tiền, tính chất tài khoản phải thu, hạch toán các khoản phải thu không mang tính chất phải thu thương mại vào TK131.
- Cơ sở hạch toán công nợ không nhất quán theo hóa đơn hay theo phiếu xuất kho, do đó đối chiếu công nợ không khớp số.

- Hạch toán giảm công nợ phải thu hàng bán trả lại, giảm giá hàng bán nhưng không có hóa đơn, chứng từ hợp lệ.
- Ghi nhận các khoản trả trước cho người bán không có chứng từ hợp lệ. Các khoản đặt trước tiền hàng cho người bán hoặc có mối quan hệ kinh tế lâu dài, thường xuyên với các tổ chức kinh tế khác nhưng không tiến hành ký kết hợp đồng kinh tế giữa hai bên.
- Ghi nhận tăng phải thu không phù hợp với ghi nhận tăng doanh thu. Công tác luân chuyển chứng từ từ bộ phận kho lên phòng kế toán chậm nên hạch toán phải thu khi bán hàng không có chứng từ kho như phiếu xuất hàng...
- Có những khoản công nợ thu hồi bằng tiền mặt với số tiền lớn, không quy định thời hạn nộp lại nên bị nhân viên chiếm dụng vốn, hoặc biển thủ.
- Nhiều khoản công nợ phải thu quá hạn thanh toán, không rõ đối tượng, tồn đọng từ nhiều năm nhưng chưa xử lý.
- Cuối kỳ chưa đánh giá lại các khoản phải thu có gốc ngoại tệ.
- Không phân loại tuổi nợ, không có chính sách thu hồi, quản lý nợ hiệu quả.
- Các khoản xóa nợ chưa tập hợp được đầy đủ hồ sơ theo quy định. Không theo dõi nợ khó đòi đã xử lý.
- Không hạch toán lãi thanh toán nợ quá hạn.
- Chưa tiến hành phân loại các khoản phải thu theo quy định mới: phân loại dài hạn và ngắn hạn.
- Hạch toán phải thu không đúng kì, khách hàng đã trả nhưng chưa hạch toán.
- Theo dõi khoản thu các đại lý về lãi trả chậm do vượt mức dư nợ nhưng chưa xác định chi tiết từng đối tượng để có biện pháp thu hồi.



- Chưa lập dự phòng các khoản phải thu khó đòi hoặc lập dự phòng nhưng trích thiếu hoặc trích thừa, vượt quá tỉ lệ cho phép.
- Hồ sơ lập dự phòng chưa đầy đủ theo quy định.
- Không thành lập hội đồng xử lý công nợ khó đòi và thu thập đầy đủ hồ sơ các khoản nợ đã xóa nợ cho người mua.
- Tổng mức lập dự phòng cho các khoản nợ khó đòi lớn hơn 20% tổng dư nợ phải thu cuối kì.
- Cuối kì chưa tiến hành đánh giá lại để hoàn nhập dự phòng hay trích thêm.

## **5. Phải thu khác**

- Không theo dõi chi tiết các khoản phải thu khác.
- Chưa tiến hành đối chiếu các khoản phải thu bất thường, tài sản thiếu chờ xử lý không có biên bản kiểm kê, không xác định được nguyên nhân thiếu để quy trách nhiệm.
- Hạch toán vào TK 1388 một số khoản không đúng bản chất.
- Không phân loại các khoản phải thu khác ngắn hạn và dài hạn theo quy định.

## **6. Hàng tồn kho**

- Không kiểm kê HTK tại thời điểm 31/12 năm tài chính.
- Ghi nhận hàng tồn kho không có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ: không ghi phiếu nhập kho, không có biên bản giao nhận hàng, không có biên bản đánh giá chất lượng hàng tồn kho.

- Xác định và ghi nhận sai giá gốc hàng tồn kho.
- Ghi nhận nhập kho không có hóa đơn chứng từ hợp lệ: mua hàng hóa với số lượng lớn nhưng không có hợp đồng, hóa đơn mua hàng không đúng quy định (thu mua hàng nông sản chỉ lập bảng kê mà không viết hóa đơn thu mua hàng nông sản theo quy định của Bộ tài chính).
- Không làm thủ tục nhập kho cho mỗi lần nhập mà phiếu nhập kho gộp chung cho cả một khoảng thời gian dài.
- Không đối chiếu thường xuyên giữa thủ kho và kế toán.
- Chênh lệch kiểm kê thực tế và sổ kế toán, thẻ kho, chênh lệch sổ chi tiết, sổ cái, bảng cân đối kế toán.
- Chưa xây dựng quy chế quản lý vật tư, hàng hóa, định mức tiêu hao vật tư hoặc định mức không phù hợp.
- Công tác quản lý hao hụt, bảo quản hàng tồn kho không tốt. Vào thời điểm cuối năm, đơn vị không xem xét và kiểm soát tuổi thọ, đặc điểm lý hóa có thể dẫn đến hư hỏng của từng loại hàng tồn kho, không xem xét các điều kiện lưu kho, bảo quản, sắp xếp tại kho để bảo đảm phù hợp với tiêu chuẩn kỹ thuật.
- Không tách biệt thủ kho, kế toán HTK, bộ phận mua hàng, nhận hàng.
- Không hạch toán trên TK 151 khi hàng về nhưng hóa đơn chưa về.
- Lập phiếu nhập xuất kho không kịp thời, hạch toán xuất kho khi chưa ghi nhận nhập kho.
- Phiếu nhập xuất kho chưa đúng quy định: không đánh số thứ tự, viết trùng số, thiếu chữ kí, các chỉ tiêu không nhất quán...
- Không lập bảng kê chi tiết cho từng phiếu xuất kho, không viết phiếu xuất kho riêng cho mỗi lần xuất.
- Giá trị hàng tồn kho nhập kho khác giá trị trên hóa đơn và các chi phí phát sinh.

- Chưa lập bảng kê chi tiết cho từng phiếu nhập xuất kho.
- Quyết toán vật tư sử dụng hàng tháng chậm.
- Chưa lập bảng tổng hợp nhập – xuất – tồn định kỳ hàng tháng, hàng quý; bảng tổng hợp số lượng từng loại nguyên vật liệu tồn kho để đối chiếu với số liệu trên sổ kế toán.
- Không lập bảng kê tính giá đối với từng loại hàng tồn kho.
- Không lập biên bản kiểm nghiệm vật tư nhập kho, mua hàng sai quy cách, chất lượng, chủng loại... nhưng vẫn hạch toán nhập kho.
- Hạch toán sai: không hạch toán theo phiếu xuất vật tư và phiếu nhập kho vật tư đã xuất nhưng không dung hết mà chỉ hạch toán xuất kho theo số chênh lệch giữa phiếu xuất vật tư lớn hơn phiếu nhập lại vật tư.
- Số liệu xuất kho không đúng với số liệu thực xuất.
- Xuất nhập kho nhưng không thực xuất, thực nhập mà ghi số liệu khống.
- Biên bản hủy hàng tồn kho kém phẩm chất không ghi rõ phương pháp kỹ thuật sử dụng để tiêu hủy.
- Hạch toán hàng tồn kho giữ hộ vào TK152 mà không theo dõi trên tài khoản ngoài bảng 002.
- Nguyên vật liệu, vật tư, hàng hóa kém chất lượng theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp không được xuất ra khỏi sổ sách.
- Khi lập BCTC hợp nhất HTK ở tài khoản 136,138 tại chi nhánh không được điều chỉnh về TK 152.
- Không hạch toán phế liệu thu hồi. Nguyên vật liệu xuất thừa không hạch toán nhập lại kho.
- Hạch toán sai: HTK nhập xuất thẳng không qua kho vẫn đưa vào TK 152, 153.
- Không hạch toán hàng gửi bán, hay hạch toán chi phí vận chuyển, bốc xếp vào hàng gửi bán, giao hàng gửi bán nhưng không ký hợp đồng, chỉ

viết phiếu xuất kho thông thường.

- Phương pháp tính giá xuất kho, xác định giá trị sản phẩm dở dang chưa phù hợp hoặc không nhất quán.
- Phân loại sai TSCĐ là hàng tồn kho (công cụ, dụng cụ), không phân loại nguyên vật liệu, công cụ, dụng cụ, thành phẩm, hàng hóa.
- Phân bổ công cụ, dụng cụ theo tiêu thức không phù hợp, không nhất quán; không có bảng tính phân bổ công cụ dụng cụ xuất dung trong kì.
- Không trích lập dự phòng giảm giá HTK hoặc trích lập không dựa trên cơ sở giá thị trường, lập dự phòng cho hàng hóa giữ hộ không thuộc quyền sở hữu của đơn vị. Trích lập dự phòng không đủ hồ sơ hợp lệ.
- Chưa xử lý vật tư, hàng hóa phát hiện thừa, thiếu khi kiểm kê.
- Chưa theo dõi chi tiết từng loại vật tư, nguyên vật liệu, hàng hóa...
- Chưa đối chiếu, kiểm kê, xác nhận với khách hàng về HTK nhận giữ hộ.
- Hạch toán nhập xuất HTK không đúng kì.
- Đơn giá, số lượng HTK âm do luân chuyển chứng từ chậm, viết phiếu xuất kho trước khi viết phiếu nhập kho.
- Xuất kho nội bộ theo giá ấn định mà không theo giá thành sản xuất.
- Xuất kho nhưng không hạch toán vào chi phí.
- Xuất vật tư cho sản xuất chỉ theo dõi về số lượng, không theo dõi về giá trị.
- Không theo dõi riêng thành phẩm và phế phẩm theo tiêu thức kế toán và tiêu thức kĩ thuật, chưa xử lý phế phẩm.
- Hạch toán tạm nhập tạm xuất không có chứng từ phù hợp hoặc theo giá tạm tính khi hàng về chưa có hóa đơn nhưng đã xuất dùng ngay, tuy nhiên chưa tiến hành theo giá thực tế cho phù hợp khi nhận được hóa đơn.
- Không theo dõi hàng gửi bán trên TK hàng tồn kho hoặc giao hàng gửi

bán nhưng không kí hợp đồng mà chỉ viết phiếu xuất kho thông thường. Hàng gửi bán đã được chấp nhận thanh toán nhưng vẫn để trên TK 157 mà chưa ghi nhận thanh toán và kết chuyển giá vốn.

- Hàng hóa, thành phẩm ứ đọng, tồn kho lâu với giá trị lớn chưa có biện pháp xử lý.
- Không quản lý chặt chẽ khâu mua hàng, bộ phận mua hàng khai khống giá mua (giá mua cao hơn giá thị trường).
- Công cụ, dụng cụ báo hỏng nhưng chưa tìm nguyên nhân xử lý hoặc vẫn tiếp tục phân bổ vào chi phí.

## 7. Tạm ứng

- Chưa đối chiếu tạm ứng với các đối tượng.
- Chưa theo dõi chi tiết từng đối tượng tạm ứng.
- Chênh lệch số kế toán và biên bản đối chiếu tạm ứng.
- Chữ kí trên biên bản đối chiếu tạm ứng khác chữ kí trên biên bản chấm công, bản thanh toán lương.
- Tạm ứng cho đối tượng ngoài công ty.
- Chưa xây dựng quy chế tạm ứng, quy chế quản lý tạm ứng chưa chặt chẽ: thanh toán hoàn tạm ứng chậm, tạm ứng quá nhiều...
- Giấy đề nghị thanh toán tạm ứng không ghi rõ thời hạn hoàn ứng, số tiền, lý do sử dụng, không có chữ kí của kế toán trưởng.
- Số dư tạm ứng cuối năm lớn. Khoản tạm ứng quá thời hạn thanh toán lâu ngày chưa được xử lý.
- Công nợ tạm ứng cho cán bộ công nhân viên đã chuyển công tác vẫn

chưa được thu hồi.

- Sử dụng tạm ứng không đúng mục đích.

## **8. Thuế GTGT được khấu trừ**

- Hạch toán, kê khai không đúng thuế suất.

- Hạch toán, kê khai không đúng thời gian, quá thời hạn kê khai 3 tháng nhưng vẫn kê khai khấu trừ thuế GTGT.

- Hóa đơn GTGT kê khai thiếu hoặc sai nội dung.

- Kê khai khấu trừ thuế khi không có hóa đơn hoặc hóa đơn của các đơn vị phá sản, giải thể.

- Kê khai khấu trừ thuế GTGT những hàng hóa không chịu thuế GTGT.

- Chênh lệch sổ sách và tờ khai thuế, không giải thích được nguyên nhân.

- Kê khai, hạch toán khấu trừ đối với hóa đơn GTGT trực tiếp hoặc hóa đơn không chịu thuế GTGT, hóa đơn không hợp lệ, hợp pháp.

- Kê khai khấu trừ thuế và những hóa đơn chi từ nguồn khác.

- Hàng mua được giảm giá chưa hạch toán giảm VAT đầu vào.

- Kê khai thiếu hay sai hóa đơn, hóa đơn không đúng mẫu BTC quy định hoặc mẫu hóa đơn tự in đã đăng kí với Bộ tài chính.

- Kê khai thuế đầu vào được khấu trừ đối với cả bộ phận nguyên vật liệu sản xuất dùng cho sản xuất hàng hóa chịu VAT trực tiếp.

- Kê khai thuế GTGT hàng nhập khẩu sai.

- Bù trừ thuế GTGT được khấu trừ và thuế GTGT phải nộp của các chi nhánh trên báo cáo tài chính hợp nhất.

- Hạch toán khấu trừ thuế VAT đầu vào lớn hơn đầu ra phải nộp, để số âm trên BCTC.

- Trường hợp hủy hóa đơn GTGT, xuất lại hóa đơn khác, người mua trên 2 hóa đơn này không trùng nhau.

*(Còn nữa)*

## **9. Hàng gửi bán**

- Hàng gửi bán chưa được chấp nhận thanh toán nhưng đã hạch toán tăng doanh thu.
- Chưa hạch toán hàng gửi bán bị trả lại.

## **10. Cầm cố, kí quỹ, kí cược**

- Chưa có hóa đơn chứng từ, hợp đồng, cam kết hợp lệ.
- Nội dung các khoản kí quỹ, kí cược không rõ ràng.
- Chưa có đối chiếu xác nhận số dư với bên nhận kí quỹ, kí cược ngày khóa sổ kế toán cuối năm.
- Hạch toán sai khoản cầm cố, kí quỹ, kí cược vào tài khoản phải thu khác 138.
- Không theo dõi chi tiết từng loại.

## **11. TSCĐ hữu hình & vô hình**

- Quản lí TSCĐ chưa chặt chẽ: hồ sơ TSCĐ chưa đầy đủ, TSCĐ vẫn chưa chuyển quyền sở hữu cho đơn vị nhưng đã ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán; không có sổ, thẻ chi tiết cho từng TSCĐ.

- Không tiến hành kiểm kê TSCĐ cuối kì, biên bản kiểm kê không phân loại TSCĐ không sử dụng, chờ thanh lý, đã hết khấu hao. Số chênh lệch trên sổ sách so với biên bản kiểm kê chưa được xử lý.
- Chứng từ liên quan đến TSCĐ không được lưu riêng với chứng từ kế toán.
- TSCĐ đưa vào hoạt động thiếu biên bản bàn giao, biên bản giao nhận.
- Hạch toán tăng TSCĐ chưa kịp thời theo biên bản bàn giao (hạch toán không đúng kì).
- Hạch toán tăng TSCĐ khi chưa có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ: quyết toán công trình, biên bản nghiệm thu, bàn giao đưa vào sử dụng...
- Không theo dõi sổ chi tiết nguồn vốn hình thành TSCĐ. Không theo dõi riêng các TSCĐ đem cầm cố, thế chấp.
- Phân loại TSCĐ vô hình sai: giá trị quyền sử dụng đất, chi phí đền bù và giải tỏa mặt bằng... Ghi nhận tăng nguyên giá tài sản cố định vô hình những nội dung không đúng quy định như chi phí thành lập Công ty, chi phí trong giai đoạn nghiên cứu...
- Chênh lệch nguyên giá, khấu hao lũy kế giữa bảng cân đối số phát sinh, sổ cái, sổ chi tiết.
- Phân loại sai: tài sản không đủ chỉ tiêu ghi nhận TSCĐ nhưng vẫn ghi nhận là TSCĐ, hạch toán nhầm TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình.
- Chưa lập phiếu thanh toán khối lượng XD CB tự làm đã hoàn thành.
- Nâng cấp TSCĐ hoàn thành nhưng chưa ghi tăng nguyên giá TSCĐ, chưa xác định lại thời gian sử dụng hữu ích và điều chỉnh khấu hao phải trích vào chi phí trong kì.
- Hạch toán tăng nguyên giá TSCĐ những nội dung không đúng chế độ quy định: ghi vào nguyên giá TSCĐ các chi phí phát sinh khi TSCĐ đã đưa vào sử dụng như chi phí lãi vay không được vốn hóa; chi phí sửa chữa lớn



TSCĐ không mang tính nâng cấp, không làm tăng công suất hoặc thời gian sử dụng; ghi tăng nguyên giá không đúng với biên bản bàn giao, nghiệm thu...

- Chưa đăng kí phương pháp trích khấu hao với cơ quan thuế địa phương.

- Đơn vị áp dụng phương pháp tính, trích khấu hao không phù hợp, không nhất quán, xác định thời gian sử dụng hữu ích không hợp lí, mức trích khấu hao không đúng quy định, vượt quá mức khấu hao tối đa hoặc thấp hơn mức khấu hao tối thiểu được trích vào chi phí trong kì theo quy định tại QĐ 206.

- Trích hoặc thôi trích khấu hao tròn tháng hoặc tròn quý mà không theo ngày đưa TSCĐ vào sử dụng hoặc ngưng trích theo ngày ngưng sử dụng.

- Số khấu hao lũy kế chưa chính xác, khấu hao ở các bộ phận mà không được phân bổ.

- Tài sản đã hết thời gian sử dụng nhưng vẫn chưa trích hết khấu hao. Số chưa trích hết không được hạch toán vào chi phí trong kì.

- Vẫn trích khấu hao đối với tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn tiếp tục sử dụng.

- Trích khấu hao tính vào chi phí cả những TSCĐ không sử dụng vào hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Trích khấu hao đối với tài sản thuê hoạt động hoặc không trích khấu hao TSCĐ đi thuê tài chính. Không theo dõi ngoại bảng đối với TSCĐ thuê hoạt động.

- Chưa thực hiện đầy đủ thủ tục thanh lý TSCĐ: thành lập hội đồng thanh lý TSCĐ, quyết định thanh lý, không có biên bản thanh lý hoặc biên bản không có chữ kí của người có thẩm quyền...

- Không phát hành hóa đơn khi bán TSCĐ thanh lý.

- Hạch toán giảm TSCĐ khi thực tế chưa thanh lý, tháo dỡ, chưa có quyết

định của HĐQT, Giám đốc,...

- Không hạch toán đầy đủ, kịp thời thu nhập thu từ hoạt động thanh lý TSCĐ.

- Đầu tư TSCĐ trước khi có sự phê duyệt của các cấp có thẩm quyền hoặc không có trong kế hoạch đầu tư được phê duyệt.

- TSCĐ đầu tư không đúng nguồn, mục đích: TSCĐ phục vụ lợi ích công cộng được đầu tư.

- Trích khấu hao vào chi phí SXKD những tài sản đầu tư bằng nguồn khác.

- **Thời điểm trích khấu hao không theo thời điểm ghi nhận TSCĐ.**

- Thực hiện khấu hao nhanh nhưng chưa đăng kí với cơ quan thuế địa phương và kết quả kinh doanh trong năm bị lỗ. Mức trích khấu hao nhanh vượt quá 1,2 lần so với khấu hao theo phương pháp đường thẳng.

- TSCĐ không còn sử dụng chưa được thanh lý. TSCĐ không cần dùng chờ thanh lý chưa được xuất ra khỏi sổ sách theo biên bản xác định giá trị doanh nghiệp, không được theo dõi tài sản ở ngoại bảng, vẫn tính và trích khấu hao tính vào chi phí.

- TSCĐ điều chuyển nội bộ có giá trị còn lại trên quyết định điều chuyển không khớp sổ kế toán.

- Chưa chuyển TSCĐ hữu hình có nguyên giá nhỏ hơn 10 triệu thành công cụ dụng cụ theo quyết định 206/BTC.

- TSCĐ nhận bàn giao, góp vốn phải tiến hành đánh giá lại giá trị.

- Đầu tư TSCĐ không hợp lý: quá nhiều hoặc dùng nguồn vay ngắn hạn để đầu tư.

- Tài sản nhận điều động, điều chuyển theo quyết định của cấp trên chỉ ghi tăng nguyên giá mà không ghi nhận giá trị đã khấu hao.

- TSCĐ thuê tài chính hạch toán trên TK 211,213.

- Giá trị TSCĐ ghi nhận không phù hợp, TSCĐ được biếu tặng không được ghi nhận theo giá trị hợp lý, TS nhận bàn giao, góp vốn không được đánh giá lại khi giao nhận...
- Điều chuyển TSCĐ nội bộ, giá trị còn lại trên Quyết định điều chuyển và sổ sách kế toán không khớp.
- Một số TSCĐ có thời gian sử dụng còn lại khác nhau nhưng được gộp chung lại thành một tài sản hay một nhóm tài sản.
- TSCĐ đầu tư bằng nguồn vốn NSNN, cho công nhân viên sử dụng nhưng không thu tiền để thu hồi vốn đầu tư.
- Chưa tiến hành đánh giá lại TSCĐ khi thực hiện cổ phần hóa doanh nghiệp hoặc có đánh giá nhưng không phù hợp.

## **12. Tài sản cố định thuê tài chính**

- Không mở sổ theo dõi TSCĐ thuê tài chính
- Thiếu hợp đồng thuê.
- Phân loại nhầm TSCĐ thuê tài chính và TSCĐ thuê hoạt động.
- Nguyên giá TSCĐ thuê tài chính, hạch toán khấu hao TSCĐ thuê tài chính không đúng theo hợp đồng thuê.
- Không theo dõi hoặc phân bổ tiền lãi thuê vào chi phí các kì không theo tiêu tức hợp lý. Hạch toán lãi vay TSCĐ thuê tài chính vào nguyên giá TSCĐ thuê tài chính.

## **13. Góp vốn liên doanh**

- Không có hồ sơ, hợp đồng góp vốn.
- Không có đối chiếu số dư với đơn vị nhận vốn góp liên doanh.
- Góp vốn không theo hợp đồng liên doanh.
- Góp vốn liên doanh bằng tài sản nhưng không có biên bản bàn giao nhận tài sản, đánh giá lại tài sản.
- Khi tham gia góp vốn liên doanh không nghiên cứu, đánh giá tình hình hoạt động kinh doanh và tình hình tài chính của đối tác, dẫn đến công ty liên doanh bị lỗ, đơn vị góp vốn sẽ bị chia lỗ tương ứng với tỷ lệ góp vốn.

#### 14. Xây dựng cơ bản dở dang

- Chi phí XDCCB dở dang cuối kỳ xác định chưa phù hợp, chỉ trên cơ sở ước tính.
- Không có kế hoạch, dự toán thiết kế cho công trình xây dựng cơ bản, sửa chữa lớn TSCĐ,...
- Không chi tiết các khoản đầu tư XDCCB cuối kỳ là của công trình nào.
- Chi phí XDCCB dở dang tồn đọng từ nhiều kỳ chưa được xử lý, đầu tư tiếp...
- Thủ tục đầu tư chưa đầy đủ: không có quyết định đầu tư, quyết định phê duyệt dự toán, không tổ chức đấu thầu, chào hàng...
- Hồ sơ, chứng từ đầu tư thanh toán tiền chưa chặt chẽ: mua thiết bị không có hóa đơn, chi trả tiền cho đối tác nước ngoài, không thực hiện thanh toán qua NH.
- Khoản chi cho hoạt động XDCCB không có hóa đơn, chứng từ hợp lệ.

- Giá trị trên Báo cáo chi tiết đầu tư từng công trình chênh lệch với sổ kế toán.
- Thực hiện sửa chữa lớn không có phê duyệt của Tổng công ty/đạt tỷ lệ thấp.
- Hạch toán sai: chi phí sửa chữa lớn không ghi tăng nguyên giá mà đưa vào chi phí SXKD trong kì.
- Phân bổ chi phí sản xuất chung, chi phí khấu hao vào giá trị công trình chưa hợp lý, không có tiêu thức phân bổ thích hợp.
- Công trình hoàn thành bàn giao đã đưa vào sử dụng nhưng chưa hạch toán tăng TSCĐ, chưa trích khấu hao.
- Hạch toán vào chi phí XDCCB dờ dang những chi phí không có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hoặc tập hợp thiếu.
- Sửa chữa lớn không có kế hoạch, không dự trù kinh phí. Sửa chữa khi không có phiếu báo hỏng, khi hoàn thành không có quyết toán kinh phí sửa chữa, biên bản nghiệm thu hoàn thành bàn giao.

## **15. Phải thu nội bộ**

- Không có biên bản đối chiếu công nợ với đối tượng nợ tại thời điểm cuối năm. Số liệu trên sổ kế toán không khớp với số liệu trên biên bản đối chiếu với công nợ nội bộ.
- Không theo dõi chi tiết từng đối tượng có quan hệ thanh toán với đơn vị.
- Hạch toán phải thu nội bộ khi không có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ.
- Hạch toán phải thu nội bộ không đúng kì.
- Bù trừ công nợ phải thu, phải trả nội bộ không đúng đối tượng hoặc

cùng đối tượng nhưng không bù trừ khi lập bảng cân đối.

- Hạch toán phải thu nội bộ với những đơn vị hạch toán độc lập, không mang tính chất thu chi hộ.
- Bù trừ công nợ với bên thứ ba không có biên bản.
- Hạch toán phải thu nội bộ với những đơn vị hạch toán độc lập.

## **16. Chi phí SXKD dở dang**

- Hạch toán vào chi phí một số khoản không phù hợp nội dung, tính chất.
- Phương pháp đánh giá sản phẩm dở dang không nhất quán giữa các kỳ kế toán.
- Không có biên bản kiểm kê khối lượng XDCB dở dang cuối kỳ.
- Không hạch toán đầy đủ các khoản chi phí phát sinh hoặc hạch toán 1 số khoản vượt mức quy định.
- Hạch toán vào chi phí không có đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ.
- Hạch toán chi phí không đúng kỳ.
- Sản phẩm đã hoàn thành nhưng không cần kết chuyển.

## **17. Chi phí trả trước, chi phí chờ kết chuyển**

- Phân bổ chi phí trả trước chưa hợp lý và không nhất quán.
- Chưa có chính sách phân bổ chi phí trả trước.
- Chưa mở sổ theo dõi từng loại chi phí thực tế phát sinh, nội dung từng loại chi phí chưa rõ ràng, cụ thể.
- Đưa chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp vào chi phí chờ kết chuyển mà không phân bổ vào chi phí để xác định kết quả kinh doanh phù hợp theo quy định, TK 142 còn số dư.
- Phân loại chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn chưa phù hợp.
- Chi phí liên quan đến nhiều kỳ nhưng không phân bổ hoặc phân bổ theo tiêu thức không phù hợp, nhất quán.
- Gác lại chi phí không theo tiêu thức nhất định.

## **18. Đầu tư dài hạn**

- Chưa tiến hành đánh giá lại số chứng khoán tại ngày kết thúc năm tài chính, khóa sổ và lập báo cáo.
- Chưa mở sổ theo dõi chi tiết từng loại chứng khoán đầu tư.
- Chưa lập dự phòng cho các khoản chứng khoán giảm giá tại thời điểm kết thúc năm tài chính. Lập dự phòng không có cơ sở.
- Không có cơ sở chứng minh cho khoản đầu tư.
- Số liệu trên sổ kế toán và bảng cân đối không khớp nhau.
- Không có xác nhận của bên nhận đầu tư về khoản đầu tư.

### **19. Chi sự nghiệp**

- Số liệu trên sổ sách kế toán không khớp với số liệu trên Bảng cân đối.
- Chi sự nghiệp không được hạch toán vào TK 161 mà hạch toán giảm nguồn kinh phí sự nghiệp.
- Ghi giảm chi sự nghiệp mà không có biên bản nghiệm thu quyết toán của cơ quan chủ quản.
- Cuối niên độ kế toán không chuyển chi sự nghiệp năm nay sang chi sự nghiệp năm trước.
- TSCĐ được hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp không được hạch toán tăng chi sự nghiệp, khấu hao TSCĐ được hình thành từ nguồn kinh phí sự nghiệp không được hạch toán giảm chi sự nghiệp mà hạch toán vào chi phí hoặc hạch toán nhưng không đúng, không đủ.

## **NỢ PHẢI TRẢ VÀ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**

### **1. Vay ngắn hạn, vay dài hạn**

- Không theo dõi chi tiết số tiền đã vay, lãi vay, số tiền vay đã trả (gốc và lãi vay), số tiền còn lại phải trả theo từng đối tượng cho vay, theo từng kế ước vay, từng mục đích vay.
- Chính sách và phương pháp kế toán áp dụng cho khoản mục vay không hợp lý và nhất quán. Không tính toán tiền lãi vay mà hạch toán trên cơ sở thông báo của ngân hàng.
- Chứng từ gốc vay và chứng từ thanh toán không đầy đủ và hợp lệ. Khi vay không đầy đủ phiếu thu, giấy báo Có NH hoặc chứng từ thanh toán, khi thanh toán không có phiếu chi hoặc giấy báo Nợ NH hoặc những chứng từ này thiếu các yếu tố và chữ kí của những người có liên quan. Kế ước vay không ghi rõ thời hạn trả nợ.
- Chênh lệch kế ước nhận nợ với chứng từ thu tiền, nhận hàng hóa, tài sản hay các nghiệp vụ trả lãi, trả nợ gốc với chứng từ thanh toán, chi tiền.
- Công tác lưu trữ hồ sơ vay chưa hợp lý.
- Hạch toán không đầy đủ và không chính xác lãi tiền vay phải trả trong

nằm theo hợp đồng vay vốn và khế ước nhận nợ.

- Hạch toán vào chi phí vượt quá số tiền lãi vay phải trả thực tế trong năm.
- Hạch toán tiền lãi vay vào các đối tượng chi phí chưa đúng quy định: hạch toán vào chi phí sản xuất chung mà không phản ánh vào chi phí tài chính.
- Phân loại sai các khoản vay ngắn hạn sang vay dài hạn và ngược lại.
- Quản lý và hạch toán tiền vay và tiền lãi vay chưa phù hợp: hạch toán lãi tiền vay vào chi phí XDCCB hoặc tăng nguyên giá TSCĐ mà không hạch toán vào chi phí hoạt động tài chính.
- Ghi chép số liệu vay ngắn hạn, dài hạn chưa đầy đủ so với số thực tế phát sinh. Chưa hạch toán giảm tiền vay được xóa nợ.
- Hạch toán lãi vay của đơn vị ngoài hoặc cán bộ công nhân viên vượt quá 1,2 lần lãi suất ngân hàng tại thời điểm vay.
- Chưa hạch toán hoặc hạch toán chưa đúng các khoản vay dài hạn nếu đến hạn trả sang nợ dài hạn đến hạn trả theo quy định tại 31/12 theo như kế hoạch trả nợ được ghi trong hợp đồng vay dài hạn.
- Chưa kí hợp đồng vay vốn với cán bộ công nhân viên và chưa có bản đối chiếu khoản vốn vay của cán bộ công nhân viên.
- Sử dụng vốn vay không đúng mục đích ghi trong hợp đồng vay.
- Khả năng thanh toán các khoản vay của đơn vị thấp, đơn vị thường xuyên phải đảo nợ để thanh toán nợ vay đến hạn.
- Nhầm lẫn giữa chi phí đi vay được vốn hóa và không được vốn hóa.
- Chưa đánh giá lại số dư nợ vay ngắn hạn và dài hạn bằng ngoại tệ theo tỷ giá bình quân liên NH tại thời điểm lập BCTC hoặc không theo tỷ giá thực tế tại thời điểm cuối năm.
- Chưa đối chiếu số dư các khoản vay tại thời điểm 31/12. Số đối chiếu và số sổ sách có chênh lệch do chưa hạch toán lãi vay chưa trả được vào gốc vay.
- Chưa tiến hành phân loại các khoản vay theo tuổi vay.
- Những khoản nợ dài hạn được khoan nợ nhưng chưa có đủ hồ sơ theo quy định. Đối với những khoản nợ đã quá hạn, Công ty chưa có kế hoạch trả nợ hoặc xin gia hạn bổ sung.
- Không theo dõi chi tiết nguyên tệ riêng những khoản vay bằng ngoại tệ hoặc trả nợ vay bằng ngoại tệ.
- Số liệu trên BCTC, sổ tổng hợp và sổ chi tiết không khớp nhau.
- Trình bày không đúng dẫn trên BCTC. Không thực hiện đúng nguyên tắc Ủy quyền, phê chuẩn.

## **2. Phải trả người bán**

- Chưa có hạch toán chi tiết cho từng đối tượng phải trả (người



bán, người cung cấp vật tư, hàng hóa, dịch vụ hoặc người nhận thầu xây lắp chính, phụ). Chưa thực hiện phân loại các khoản phải trả như phải trả cho bên thứ ba, phải trả tồn lâu ngày hoặc có vấn đề...

- Công nợ phải trả quá hạn thanh toán (hoặc lâu ngày chưa được giải quyết).
- Chưa thực hiện đối chiếu hoặc đối chiếu chưa đầy đủ công nợ với người bán tại thời điểm cuối năm.
- Số dư công nợ phải trả trên sổ kế toán chênh lệch với biên bản đối chiếu công nợ phải trả nhưng chưa được xử lý.
- Các khoản phải trả bị hạch toán sai trong kì.
- Theo dõi công nợ chưa phù hợp: theo dõi trên hai mã cho cùng một đối tượng, không tiến hành bù trừ đối với các khoản công nợ của cùng một đối tượng.
- Không theo dõi chi tiết công nợ theo nguyên tệ đối với công nợ phải trả có gốc ngoại tệ.
- Cuối kì, chưa đánh giá lại số dư các khoản nợ phải trả có gốc ngoại tệ theo tỷ giá giao dịch liên NH tại thời điểm lập BCTC.
- Phân loại sai nội dung các khoản phải trả khác vào các khoản phải trả người bán, không phân loại khoản phải trả thương mại và phi thương mại, hạch toán không đúng nội dung kinh tế.
- Không có bảng phân tích tuổi nợ để có kế hoạch thanh toán, các khoản nợ quá hạn chưa được thanh toán.
- Chưa hạch toán tiền lãi phải trả cho người bán nếu mua trả chậm.
- Không hạch toán giảm công nợ phải trả trong trường hợp giảm giá hàng bán hay được hưởng chiết khấu thương mại, chiết khấu thanh toán.
- Hạch toán xuất nhập khẩu ủy thác chưa đúng kì kế toán và theo dõi công nợ với đối tác nước ngoài chưa thích hợp.
- Quản lí và hạch toán công nợ phải trả chưa phù hợp và chặt chẽ. Những khoản công nợ phải trả không xác định được chủ nợ đã hạch toán tăng thu nhập khác, nhưng không đủ bằng chứng hợp lệ.
- Bù trừ số dư trả tiền trước cho người bán với số dư phải trả người bán không cùng đối tượng.
- Số liệu trên sổ tổng hợp và sổ chi tiết, bảng cân đối số phát sinh không khớp nhau và không khớp với hóa đơn, chứng từ gốc hoặc không khớp với thư xác nhận của Kiểm toán viên.
- Ghi nhận khoản phải trả không trên cơ sở hóa đơn chứng từ hoặc hóa đơn chứng từ không hợp lệ.
- Các khoản phải trả với bên thứ ba không có chứng từ hợp lệ, không được ghi chép, phản ánh, trình bày hoặc phản ánh không hợp lí.
- Số liệu trên sổ tiền mặt và tiền gửi NH với tổng phát sinh Nợ trên tài

khoản phải trả không khớp nhau, có chênh lệch lớn.

- Việc thanh toán cho người bán bằng tiền mặt với giá trị lớn thông qua các nhân viên của Công ty thể hiện việc quản lý tiền mặt chưa chặt chẽ, có thể xảy ra rủi ro bất lợi cho Công ty hoặc dẫn đến sự chiếm dụng vốn của Công ty cho các mục đích cá nhân do nhận tiền không kịp thời hạn thanh toán.

- Không hạch toán lãi chậm trả trên những khoản phải trả quá hạn thanh toán.

- Chưa tiến hành xử lý các khoản phải trả người bán không có đối tượng vào thu nhập khác.

- Trường hợp hàng về nhưng hóa đơn chưa về, đơn vị phản ánh chưa đúng về mặt giá trị và chưa điều chỉnh hoặc điều chỉnh không đúng khi có hóa đơn về.

- Thủ tục nhập kho báo số tiến hành chậm hơn so với bút toán trả tiền làm cho tại 31/12 TK331 có số dư Nợ nhưng thực chất đây không phải là khoản trả trước cho người bán.

- Khoản giao dịch với số tiền lớn không ký hợp đồng mua hàng với người bán.

### **3. Thuế và các khoản phải nộp NSNN**

- Không theo dõi chi tiết từng khoản thuế, phí, lệ phí phải nộp và đã nộp.

- Quản lý và hạch toán thuế GTGT đầu ra chưa đúng qui định: không viết hóa đơn khi bán hàng, áp thuế suất thuế GTGT đầu ra chưa đúng tỉ lệ, tính toán sai giá tính thuế.

- Hạch toán và kê khai thuế GTGT chưa đầy đủ, chưa phù hợp. Hạch toán khấu trừ thuế VAT đối với các hóa đơn không hợp lệ (thiếu mã số thuế, chữ ký của người mua...) hoặc hóa đơn gia tăng trực tiếp, hóa đơn chi từ nguồn KPCĐ, quỹ phúc lợi, khoản chi trả không phục vụ sản xuất...

Hạch toán giảm VAT phải nộp và ghi tăng lợi nhuận đối với khoản được miễn, giảm thuế VAT.

- Quản lý và hạch toán thuế tài nguyên chưa phù hợp: không hạch toán vào TK627 mà hạch toán vào TK642, hạch toán thuế tài nguyên theo giá tạm tính khi chưa có thông báo giá tính thuế tài nguyên của Cục thuế địa

phương.

- Cơ sở tính thuế tài nguyên chưa phù hợp: tính thuế tài nguyên trên giá gồm cả chi phí vận chuyển, bốc xếp, lưu kho bãi; không tính thuế tài nguyên khai thác trong kì nhưng chưa bán, tiêu dùng; tính thuế tài nguyên trên khối lượng tài nguyên khi chưa loại trừ hết tạp phẩm.
- Số dư trên TK 3331 (thuế GTGT phải nộp) trên BCTC có số dư âm do hạch toán khấu trừ thuế GTGT đầu vào vượt với số thuế đầu ra.
- Số liệu liệu thuế GTGT đầu ra trên sổ kế toán không khớp với số liệu trên tờ khai thuế và hóa đơn VAT (do kê khai sai, thiếu, trùng một số hóa đơn GTGT). Kê khai thuế không đúng số seri và ngày phát hành hóa đơn trên tờ khai thuế GTGT.
- Hạch toán sai các khoản thuế GTGT trong các trường hợp hàng bán trả lại, giảm giá hàng bán, tính VAT đầu ra đối với hàng hóa khuyến mại, quảng cáo, hội chợ triển lãm thương mại.
- Hạch toán giảm trừ thuế VAT đầu ra phải nộp chưa hợp lệ: chưa có biên bản hủy hợp đồng khi đã xé hóa đơn rời cuống, chưa có ý kiến bằng văn bản của cơ quan thuế về việc này. Trường hợp mất hoặc thất lạc hóa đơn GTGT, đơn vị xử lý không đúng quy định và hạch toán sai nguyên tắc.
- Hàng hóa, dịch vụ không đủ điều kiện được coi là xuất khẩu vẫn áp dụng thuế suất 0%.
- Quản lý và hạch toán thuế nhập khẩu và thuế GTGT hàng nhập khẩu chưa phù hợp, tính sai giá tính thuế, áp sai thuế suất. Các nghiệp vụ hoàn thuế xuất nhập khẩu thiếu các chứng từ cần thiết và không phản ánh khoản hoàn thuế này trên sổ sách kế toán.
- Tính thuế cho những hàng hóa không thực diện chịu thuế xuất nhập khẩu như hàng chuyển khoản, nhập khẩu vào khu chế xuất, vận chuyển hàng quá cảnh viện trợ nhân đạo...

- Thuế xuất khẩu tính trên giá chưa tách chi phí vận tải, bảo hiểm...
- Nộp hồ thuế nhập khẩu cho đơn vị ủy thác nhưng chưa viết hóa đơn.
- Không tính thuế GTGT đầu ra đối với hàng hóa, dịch vụ chịu thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ trong trường hợp tiêu dùng nội bộ (trả lương, thưởng cho công nhân viên) hay do trao đổi hàng hóa.
- Nhầm lẫn giữa các hàng hóa dịch vụ không chịu thuế GTGT với những hàng hóa dịch vụ chịu thuế suất 0%.
- Các khoản thuế sử dụng đất, thuế môn bài không hạch toán vào TK 333 mà hạch toán vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kì nộp tiền.
- Chưa hạch toán và kê khai thuế thu nhập cá nhân với nhân viên phải chịu thuế thu nhập cao, chưa khấu trừ tại nguồn theo Pháp lệnh về thuế đối với người có thu nhập cao.
- Hạch toán và nộp thuế thu nhập cá nhân cho một số cán bộ có thu nhập cao với số tiền cao hoặc thấp hơn số tiền thực tế phải nộp. Hạch toán thiếu thuế thu nhập cá nhân đối với các khoản chi hoa hồng, môi giới.
- Xác định thu nhập chịu thuế cá nhân không loại trừ khoản tiền nộp về BHXH, BHYT từ tiền lương của người lao động.
- Chưa xác định điều kiện ưu đãi được hưởng về thuế suất và năm miễn giảm thuế theo quy định tại Thông tư 128 và Nghị định 164.
- Chưa hạch toán số thuế phải nộp bổ sung trong năm. Nộp báo cáo quyết toán thuế cho cơ quan thuế chậm so với thời gian quy định.
- Không hạch toán tiền thuê đất nhưng không có văn bản chính thức của cơ quan có thẩm quyền về việc miễn giảm tiền thuê đất. Chưa kí kết được hợp đồng thuê đất với Sở tài nguyên và môi trường của địa phương.
- Xác định mức thu nhập chịu thuế sai đối với thuế thu nhập doanh nghiệp do hạch toán các khoản chi phí hợp lý nhằm mục đích tính thuế chưa đúng quy định, ghi nhận sai các khoản doanh thu, thu nhập khác; tính giá vốn

hàng bán chưa đúng kì hoặc không chính xác.

- Chưa tách thu nhập chịu thuế và thu nhập không chịu thuế.
- Chưa tổng hợp quyết toán thuế.
- Đơn vị không tạm nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo từng quý với số tiền mà đơn vị đã kê khai.
- Đơn vị tiến hành chuyển lỗ để tính thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp cho năm nay nhưng chưa đăng kí chuyển lỗ với cơ quan thuế. Thuộc diện được ưu đãi miễn giảm thuế nhưng chưa lập hồ sơ xin miễn giảm thuế.
- Chưa hạch toán các khoản phạt, truy thu của cơ quan thuế vào chi phí khác.
- Thuế tồn đọng lâu ngày chưa được xử lí.
- Chưa xác định và hạch toán thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm sau khi trừ số lỗ năm trước chuyển sang.
- Các khoản thuế sử dụng đất, thuế môn bài không hạch toán và Tk 333 mà hạch toán và chi phí sản xuất kinh doanh trong kì.

#### **4. Lương và các khoản phải trả công nhân viên chức**

- Chưa có kế hoạch về tiền lương mà chỉ có kế hoạch trả lương cho công nhân viên.
- Chưa xây dựng quy chế trả lương có sự phê duyệt của người có thẩm quyền, cách thức tính lương, trả lương không nhất quán.
- Chưa đăng kí với Cơ quan thuế địa phương về tổng quỹ lương phải trả trong năm căn cứ vào phương pháp tính lương cùng với việc nộp tờ khai thuế TNDN.
- Xác định quỹ lương chưa có cơ sở.
- Chi quá quỹ tiền lương được hưởng.
- Sử dụng quỹ tiền lương chưa đúng mục đích.

- Xác định quỹ tiền lương không phù hợp với mức độ hoàn thành kế hoạch lợi nhuận, do đó hạch toán vào chi phí cao hơn hoặc thấp hơn số thực tế.
- Trích thiếu quỹ tiền lương theo đơn giá tổng công ty giao.
- Chưa thực hiện xác định và trừ lùi quỹ tiền lương khi Công ty không thực hiện được kế hoạch sản xuất kinh doanh được giao.
- Quản lý và hạch toán tiền lương chưa phù hợp: trả lương cho cán bộ công nhân viên hạch toán trực tiếp vào chi phí sản xuất kinh doanh mà không hạch toán qua quỹ tiền lương theo quy định.
- Quyết toán lương chưa kịp thời. Thanh toán trả lương cho cán bộ công nhân viên chậm.
- Xuất hiện những bất thường và ngoại lệ về tiền lương của Ban lãnh đạo doanh nghiệp.
- Thanh toán lương khống: nhân viên khống, hồ sơ khống, nhân viên đã thôi việc tại đơn vị vẫn được trả lương. Khai tăng giờ làm thêm so với thực tế.
- Hạch toán tiền lương và các khoản trích vào lương không đúng kì.
- Hạch toán một số khoản có tính chất lương như tiền ăn ca, tiền làm thêm giờ... vào chi phí mà không qua TK 334.
- Chưa kí đầy đủ hợp đồng lao động với cán bộ công nhân viên theo quy định.
- Bảng chấm công và bảng thanh toán lương không đầy đủ chữ kí cần thiết như chữ kí của người nhận, của kế toán trưởng có hiện tượng kí nhận hộ.
- Chưa tiến hành khấu trừ vào lương đối với khoản tiền bồi thường thiệt hại, tổn thất, vi phạm của công nhân viên.
- Thanh toán các khoản phụ cấp và các khoản khác ngoài lương chính

không có chính sách cụ thể và không có quyết định của Giám đốc.

- Hạch toán tạm ứng lương vào TK 141 mà không hạch toán giảm khoản phải trả công nhân viên chức theo quy định.

- Không có hợp đồng với nhân viên tạm thời, làm việc theo thời vụ theo quy định.

- Các nghiệp vụ nâng lương không có quyết định nâng lương của các cấp có thẩm quyền phê duyệt tại thời điểm gần nhất kèm theo.

- Hạch toán toàn bộ chi phí BHXH, BHYT, KPSĐ vào TH 622 mà không phân bổ cho các bộ phận bán hàng, quản lý doanh nghiệp, quản lý phân xưởng theo quy định.

- Số phát sinh trên sổ kế toán không trùng khớp với số liệu trên sổ lương của người lao động.

## **5. Chi phí phải trả**

- Hạch toán những chi phí chưa phát sinh vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kì khi chưa có bằng chứng hợp lý, đáng tin cậy về các khoản chi phí phải trích trước trong kì: chưa có hợp đồng vay, kế hoạch lương nghỉ phép, kế hoạch sửa chữa lớn TSCĐ.

- Trích trước vào chi phí những nội dung không được tính vào chi phí sản xuất, kinh doanh hoặc không trích trước chi phí lãi vay dài hạn trong kì, chi phí sửa chữa lớn TSCĐ, tiền lương nghỉ phép của công nhân sản xuất, chi phí bảo hành sản phẩm, hàng hóa vào chi phí phải trả trong kì.

- Chưa có quy định về trích trước vào chi phí phải trả hay kết chuyển các khoản này vào chi phí trong kì.

- Ghi nhận chi phí phải trả vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kì không tương ứng với doanh thu. Chưa quyết toán các khoản chi phí phải trả với số chi phí thực tế phát sinh cuối niên độ kế toán, chưa xử lý số chênh lệch.

- Hạch toán vào TK này những nghiệp vụ không đúng nội dung tính chất

của TK theo quy định. Hạch toán treo chi phí vào chi phí phải trả nhằm giảm chi phí trong năm để giấu lỗ.

- Chưa tiến hành trích quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm đúng theo hướng dẫn tại Thông tư số 82/2003/TT-BTC ngày 14/08/2003 của Bộ tài chính về trích lập, quản lí, sử dụng và hạch toán quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm.

- Số dư có biến động lớn qua các năm kế nhau mà không giải thích được nguyên nhân.

- Không kết chuyển phần chênh lệch đã trích vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kì nhưng không chi hết để giảm chi phí phải trả.

- Không đánh giá lại chênh lệch tỷ giá ngoại tệ đối với chi phí phải trả có gốc ngoại tệ theo tỷ giá bình quân liên ngân hàng tại thời điểm cuối năm.

## **6. Phải trả nội bộ**

- Chưa tiến hành đối chiếu công nợ nội bộ ngày 31/2. Các khoản chênh lệch trên đối chiếu chưa được xử lí.

- Chưa bù trừ công nợ phải thu, phải trả nội bộ với cùng một đối tượng bù trừ nhằm đối tượng.

- Chưa mở sổ theo dõi chi tiết cho từng đối tượng có quan hệ thanh toán hay từng khoản phải nộp, phải trả.

- Hạch toán thiếu các khoản phải nộp cấp trên.

- Trả lãi vay phải thu, phải trả nội bộ nhưng không có hợp đồng, không có quyết định mức lãi suất nội bộ làm cơ sở xác định.

- Số liệu trên sổ kế toán đơn vị cấp dưới không khớp với sổ kế toán đơn vị cấp trên.

- Hạch toán không đúng tính chất TK, không đúng nội dung kinh tế phát



sinh, hạch toán sai, không đầy đủ hoặc sai kì.

- Hạch toán tăng giảm phải trả nội bộ không có căn cứ đầy đủ, hợp lệ như phiếu thu, giấy báo Có NH hoặc phiếu chi, giấy báo Nợ NH hoặc trên các chứng từ này không ghi đủ các yếu tố và thiếu chữ kí của những người liên quan.

## **7. Phải trả khác**

- Trích BHXH, BHYT, KPCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh cao hơn quy định.

- Bán hàng trả chậm, trả góp, doanh thu chưa thực hiện không hạch toán vào TK 3387 mà hạch toán vào TK 511.

- Một số khoản phải trả khác còn tồn tại từ các năm trước chuyển sang nhưng chưa được đối chiếu số dư cũng như chưa có biện pháp xử lí.

- Một số tài sản thừa chờ xử lí hạch toán vào TK 338 nhưng chưa xác định rõ nguyên nhân hoặc chưa xử lí dứt điểm theo quy định, chưa xin quyết định của cơ quan có thẩm quyền ngày 31/12.

- Kết thúc đầu tư xây dựng cơ bản khoản chênh lệch lớn lãi về tỉ giá hối đoái chưa được kết chuyển sang TK 3387 để phân bổ dần.

- Các khoản phải trả, phải nộp khác không có đối tượng hoặc tồn đọng lâu từ nhiều năm trước chưa được xử lí.

- Các khoản phải trả không được phân loại hợp lí, đúng bản chất.

- Hạch toán khi không đầy đủ hóa đơn, chứng từ hợp lệ. Doanh thu chưa thực hiện ở cuối kì kế toán xác định không đúng hoặc không có cơ sở ghi nhận, không phân bổ hợp lí.

- Các khoản doanh thu chưa thực hiện hạch toán không đúng kì hoặc đã hoàn thành nhưng chưa được kết chuyển sang doanh thu bán hàng hoặc doanh thu hoạt động tài chính.

- Các khoản vay cá nhân có hợp đồng vay vẫn theo dõi trên TK338 mà

chưa phân loại sang TK311.

- Chưa có đối chiếu với cơ quan BHXH. Số chênh lệch chưa được xử lý.

### **8. Nợ dài hạn**

- Chưa xác định khoản nợ dài hạn nếu đến hạn trả để hạch toán kết chuyển sang TK315 theo quy định.

- Hạch toán trước tiền lãi TSCĐ thuê tài chính chưa đúng quy định.

- Số liệu phát sinh trên sổ kế toán không trùng khớp với bảng tổng hợp các khoản nợ phải trả.

- Không theo dõi chi tiết các khoản nợ dài hạn theo từng hợp đồng, từng đối tượng...

- Các khoản nợ dài hạn phát sinh không được ký kết và thông qua quyết định của Ban Giám đốc.

- Không đánh giá lại số dư nợ dài hạn có gốc ngoại tệ theo tỉ giá bình quân liên NH tại thời điểm lập BCTC.

- Các khoản nợ dài hạn phát sinh không được ký kết và thông qua quyết định của Ban Giám đốc.

### **9. Nợ dài hạn đến hạn trả**

- Cuối niên độ kế toán, đơn vị chưa xác định số nợ dài hạn đã đến hạn phải thanh toán trong niên độ kế toán tiếp theo và chuyển sang nợ dài hạn đến để có kế hoạch trả nợ.

- Chưa theo dõi chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả, số đã trả, số còn phải trả của nợ dài hạn đến hạn trả theo từng chủ nợ, từng hợp đồng vay.

- Chưa tiến hành theo dõi chi tiết nợ dài hạn đến hạn trả bằng ngoại tệ cho từng ngoại tệ.

- Chưa đánh giá lại số dư nợ dài hạn đến hạn trả có gốc ngoại tệ theo tỉ giá bình quân liên NH tại thời điểm lập BCTC.

### **10. Nhận ký quỹ, ký cược của khách hàng**

- Không theo dõi chi tiết từng khoản tiền nhận kí quỹ, kí cược của từng đối tượng khách hàng.
- Các khoản nhận kí quỹ, kí cược ngắn hạn, dài hạn không được phân loại thích hợp.
- Không theo dõi ở các TK ngoài bảng cân đối kế toán các trường hợp nhận kí quỹ, kí cược dài hạn bằng hiện vật.
- Không có chứng từ hợp lệ, đầy đủ khi nhận và hoàn trả các khoản kí quỹ, kí cược cho khách hàng.
- Số liệu trên sổ sách, chứng từ, thư xác nhận không khớp nhau.
- Các khoản tiền phạt vi phạm kí quỹ, kí cược chưa được xử lí.
- Không thực hiện đánh giá và hạch toán chênh lệch tỉ giá các nghiệp vụ, khoản phát sinh có gốc ngoại tệ.

### **11. Nguồn vốn kinh doanh**

- Các khoản góp vốn, các nguồn vốn không được ghi chép và phân loại hợp lí.
- Không lập bảng tổng hợp nguồn vốn trong năm tài chính.
- Không theo dõi chi tiết theo từng nguồn hình thành và theo từng đối tượng góp vốn (tổ chức hoặc cá nhân).
- Hạch toán nguồn vốn kinh doanh chưa phù hợp, chưa đầy đủ.
- Kê khai khống nguồn vốn kinh doanh.
- Chưa hạch toán tăng, giảm nguồn vốn kinh doanh kịp thời (VD: tăng tài sản cố định hình thành từ quỹ nhưng không ghi tăng nguồn vốn kinh doanh).
- Số liệu trên sổ chi tiết và sổ cái không khớp nhau.
- Tính thiếu số thu sử dụng vốn để tăng nguồn vốn kinh doanh từ lợi nhuận do tính nguồn vốn bình quân năm chưa theo số bình quân tăng giảm theo tháng.

- Hạch toán tăng giảm nguồn vốn không có đầy đủ chứng từ gốc hoặc chứng từ gốc không hợp lệ, quyết định về cấp bổ sung vốn, điều chuyển vốn không có phê duyệt của các cấp có thẩm quyền, tăng giảm nguồn vốn Nhà nước khi chưa có quyết định điều chỉnh nguồn vốn chủ sở hữu của cấp có thẩm quyền (Tổng công ty, Bộ chủ quản) đối với doanh nghiệp đang thực hiện chuyển sang cổ phần.

- Khi phát hành cổ phiếu để ghi tăng nguồn vốn kinh doanh không phản ánh đúng giá trị thực tế của cổ phiếu được bán ra (giá gốc hoặc giá chênh lệch).

- Không giảm khoản thu sử dụng vốn để trích lập quỹ khen thưởng đảm bảo mức trích bằng hai tháng lương thực hiện theo quy định mặc dù sau khi phân phối lợi nhuận sau thuế, 2 quỹ này được trích thấp hơn 2 tháng lương thực hiện của đơn vị.

## **12. Các quỹ 414,415,431, 451**

- Quỹ hình thành từ các nguồn không phù hợp theo chế độ quy định.

- Chưa hạch toán tăng, giảm các quỹ kịp thời và phù hợp với quyết định tăng giảm quỹ và chứng từ thu chi tiền hoặc hạch toán tăng giảm quỹ khi không có quyết định của Ban lãnh đạo Công ty, không có chứng từ hợp lệ, hợp pháp. Quyết định cấp quỹ không hợp lí.

*(Deloitte Vietnam)*